

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BETA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 036 /2025/CV-TGD-BETA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

- Mã chứng khoán:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4-5, số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3914 2929 Fax: (028) 3914 3435
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Thanh Bình
- Địa chỉ thường trú: 269/1 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại di động:
- Điện thoại cơ quan: (028) 3914 2929 Ext:
- Fax: (028) 3914 3435
- Loại thông tin công bố:
 - ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<https://www.bsi.com.vn/vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2024.

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
BETA
HOÀNG THANH BÌNH

2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



www.bsi.com.vn



(028) 3914 2929



support@bsi.com.vn



55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.



NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG

- 01 - Thông tin khái quát
- 02 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 03 - Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 04 - Định hướng phát triển
- 05 - Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 01 - Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 - Tổ chức và nhân sự
- 03 - Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 04 - Tình hình tài chính
- 05 - Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 - Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 - Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 - Tình hình tài chính
- 03 - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 - Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 - Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 06 - Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01 - Đối với Cán bộ Nhân viên
- 02 - Đối với Môi trường
- 03 - Đối với Cộng đồng
- 04 - Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 05 - Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 - Hội đồng quản trị
- 02 - Ban Kiểm soát
- 03 - Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



01

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 03 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 04 Định hướng phát triển
- 05 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA (BETA)

TÊN TIẾNG ANH: BETA SECURITIES INCORPORATION

LOGO CÔNG TY:



GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

- Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp số: 67/UBCK-GP cấp ngày 06/12/2007
- Giấy phép sửa đổi số: 142/UBCK-GP ngày 25/7/2008
- Giấy phép sửa đổi số: 148/UBCK-GP ngày 28/8/2008
- Giấy phép sửa đổi số: 163/UBCK-GP ngày 11/11/2008
- Giấy phép sửa đổi số: 280/UBCK-GP ngày 20/11/2009
- Giấy phép điều chỉnh số: 51/GPĐC-UBCK ngày 31/8/2011
- Giấy phép điều chỉnh số: 113/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2012
- Giấy phép điều chỉnh số: 49/GPĐC-UBCK ngày 11/11/2013
- Giấy phép điều chỉnh số: 80/GPĐC-UBCK ngày 08/10/2018
- Giấy phép điều chỉnh số: 87/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2020

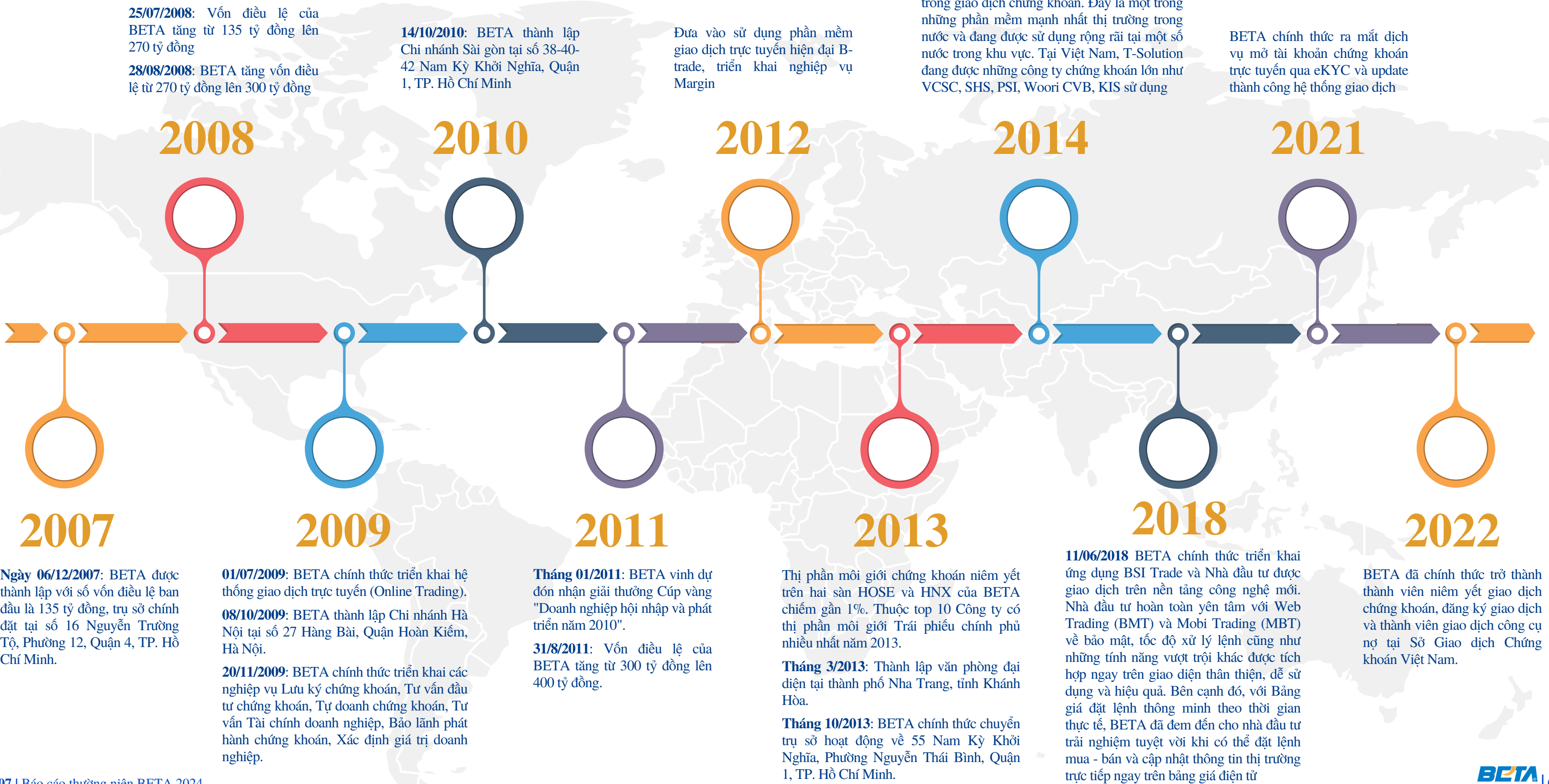


VỐN ĐIỀU LỆ

400.000.000.000 VNĐ

(Bốn trăm tỷ đồng)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

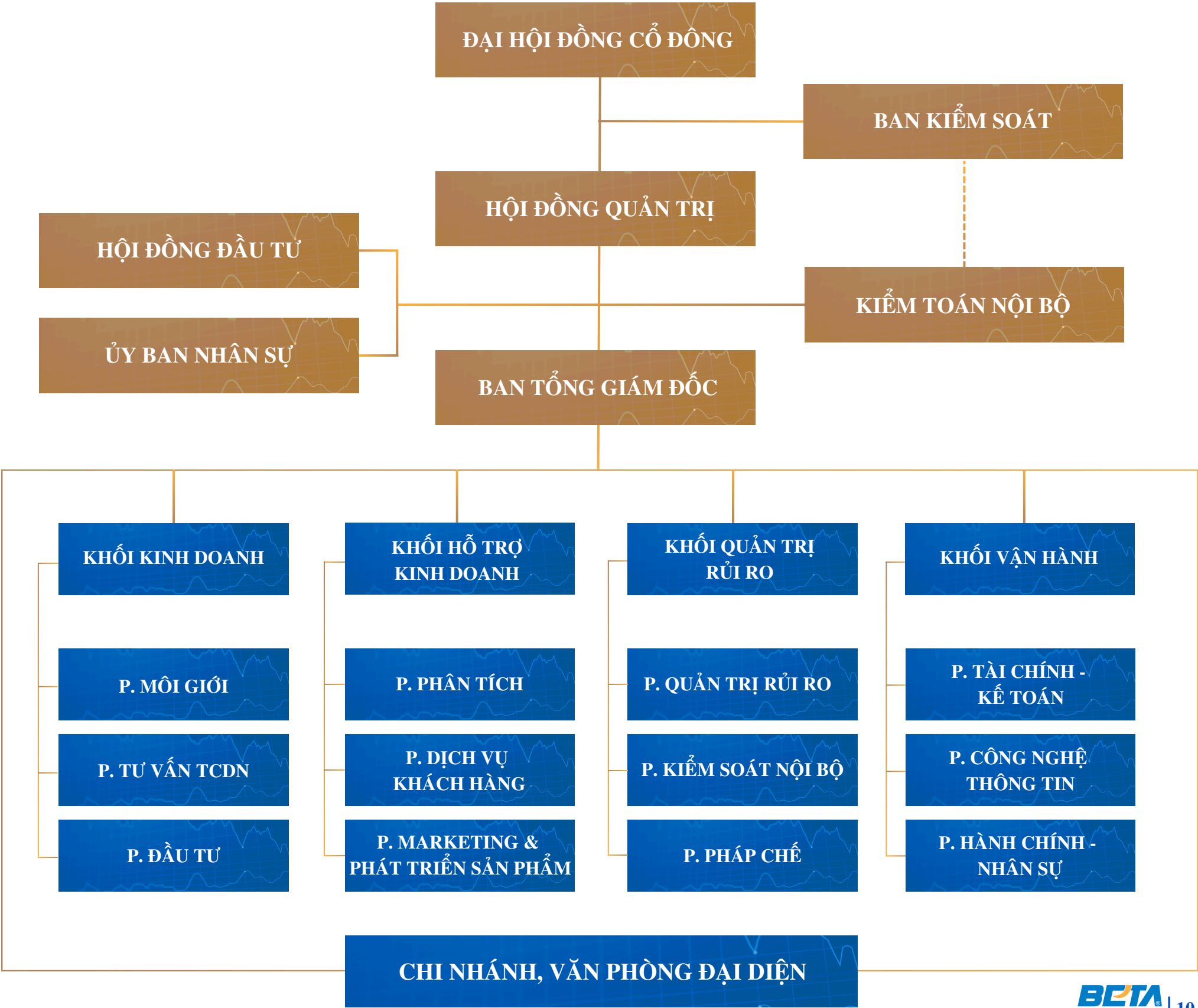


ĐỊA BÀN KINH DOANH
 Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của công ty tại Tầng 4 - 5, Số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 Cơ cấu bộ máy quản lý: Sơ đồ tổ chức công ty



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BETA cam kết phát triển bền vững dựa trên các nguyên tắc cốt lõi: an toàn, minh bạch và hiệu quả. Chúng tôi luôn đồng hành cùng sự phát triển của thị trường tài chính, không ngừng đổi mới và cung cấp các công cụ đầu tư tối ưu, hỗ trợ tích cực cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. BETA hướng đến việc mang lại các giải pháp hữu hiệu, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững và gia tăng giá trị cho khách hàng dựa trên hai giá trị cốt lõi quan trọng nhất là CON NGƯỜI và CÔNG NGHỆ.

CON NGƯỜI – NỀN TẢNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

- BETA luôn coi con người là yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược phát triển, không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, đảm bảo sự chuyên nghiệp, tận tâm và đạo đức nghề nghiệp. BETA chú trọng đào tạo, phát triển kỹ năng và kiến thức chuyên môn cho nhân viên, giúp họ không chỉ đáp ứng mà còn vượt qua kỳ vọng của khách hàng.
- Bên cạnh đó, BETA xây dựng một môi trường làm việc minh bạch, năng động và sáng tạo, nơi mỗi cá nhân có thể phát huy tối đa năng lực của mình. BETA tin rằng sự hài lòng của nhân viên chính là động lực để mang lại chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.



CÔNG NGHỆ – ĐỘNG LỰC CỦA SỰ ĐỔI MỚI



- BETA kiên định với chiến lược đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, tận dụng các nền tảng hiện đại để tối ưu hóa sản phẩm và dịch vụ. BETA không ngừng nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm tạo ra hệ thống giao dịch an toàn, nhanh chóng và chính xác.
- Với tầm nhìn dài hạn, BETA hướng đến việc xây dựng một nền tảng tài chính thông minh, nơi khách hàng có thể tiếp cận các công cụ đầu tư hiệu quả nhất. BETA không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn đón đầu xu hướng thị trường, mang lại trải nghiệm giao dịch hiện đại, tiện lợi và minh bạch cho khách hàng.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá hối đoái và lãi suất đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi doanh nghiệp. Đối với các công ty chứng khoán, mức độ ảnh hưởng của những yếu tố này thường nhanh chóng và mạnh mẽ hơn so với nhiều ngành nghề khác, bởi thị trường chứng khoán được xem như “phong vũ biểu” phản ánh sức khỏe của nền kinh tế. Đồng thời, sự biến động của thị trường chứng khoán tác động trực tiếp và sâu sắc đến hoạt động cũng như hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán, bởi hầu hết nguồn thu và các hoạt động của họ đều gắn liền với diễn biến của thị trường này.
- Là một công ty chứng khoán, BETA chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế vĩ mô và những biến động trên thị trường chứng khoán. Nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực từ sự thay đổi của nền kinh tế, BETA luôn chủ động theo dõi sát sao các diễn biến kinh tế, đánh giá tác động của các chính sách vĩ mô đối với thị trường chứng khoán, đồng thời xây dựng dự báo riêng và linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh để thích ứng kịp thời với mọi biến động.

RỦI RO PHÁP LUẬT

- BETA hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Do đó, mọi thay đổi, bổ sung trong hệ thống văn bản pháp luật đều có thể tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BETA. Rủi ro pháp luật tại BETA chủ yếu liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, cũng như các quy định và quy trình nội bộ trong quá trình vận hành doanh nghiệp.
- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Do đó, các luật và văn bản hướng dẫn có thể được sửa đổi, bổ sung, gây ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của BETA. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, BETA luôn theo dõi sát sao các thay đổi về luật, chính sách và quy định để kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Nhằm hạn chế những rủi ro liên quan đến pháp luật, BETA đã triển khai nhiều biện pháp kiểm soát chặt chẽ, bao gồm:
 - Ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động.
 - Xây dựng và thực hiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban, đơn vị nghiệp vụ.
 - Tổ chức phổ biến, đào tạo cho toàn bộ cán bộ, nhân viên về các quy định pháp luật và quy trình nội bộ nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật.
 - Thiết lập hệ thống giám sát, kiểm tra định kỳ để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề pháp lý phát sinh.
- Nhờ những biện pháp này, BETA đã và đang hạn chế tối đa các rủi ro liên quan đến pháp luật, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn, hiệu quả và bền vững trong môi trường pháp lý không ngừng thay đổi.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

- Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của BETA. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng tới sự phát triển của BETA mà còn có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, BETA luôn theo dõi các biến động của thị trường chứng khoán, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh quy mô của công ty phù hợp với quy mô của thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự,... phải phù hợp với tình hình thị trường đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường cả lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình trong các hoạt động của BETA do việc không cập nhật hoặc cố tình không tuân thủ của cán bộ nhân viên hay đơn giản là lỗi con người do nhầm lẫn vô tình. Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy ra, BETA đưa ra các biện pháp:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của BETA;
- Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng;
- Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến quản trị hiệu quả mọi rủi ro hoạt động và tuân thủ;
- Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc đầy đủ, rõ ràng và phổ biến đầy đủ cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo BETA hoạt động an toàn, hiệu quả.



RỦI RO THANH KHOẢN

- Là các rủi ro khi BETA không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ. BETA cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà BETA đã đầu tư, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới BETA không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. BETA luôn theo dõi chặt chẽ tính thanh khoản của các loại tài sản cũng như kỳ hạn của các khoản nợ phải trả để chủ động cân đối, từ đó giảm thiểu các rủi ro liên quan đến thanh khoản.



RỦI RO THANH TOÁN

- Là các rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết sẽ dẫn đến tổn thất về vốn cho BETA. Rủi ro này cũng có thể xảy ra khi BETA cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. BETA luôn theo dõi chặt chẽ biến động của thị trường chứng khoán, cũng như thiết lập hệ thống để giám sát và cảnh báo sớm đối với các hoạt động sử dụng đòn bẩy của khách hàng.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của BETA sẽ chịu ảnh hưởng lớn khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản của thị trường chứng khoán.

- Khi lãi suất thị trường thay đổi, doanh thu của BETA sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp: Lãi suất của các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ... và lãi suất thay đổi làm ảnh hưởng đến dòng tiền trên thị trường và ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu môi giới chứng khoán của BETA. Để giảm thiểu các thiệt hại có thể phát sinh do rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, BETA luôn chủ động trong việc lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể cạnh tranh trên thị trường mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của BETA bị ảnh hưởng bởi các biến động trong giá chứng khoán, tình hình thị trường hoặc có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác...khi giá chứng khoán biến động ngoài dự kiến có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch, thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.



RỦI RO NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại, khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. BETA luôn chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và kỹ năng cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.



RỦI RO CẠNH TRANH VÀ TÁI CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Tính đến cuối năm 2024, số lượng các công ty chứng khoán đang hoạt động trên TTCK là gần 81 công ty. Các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt cả về thị phần, khách hàng và nhân sự. Các Công ty chứng khoán đã tập trung đến việc cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích như các loại đòn bẩy tài chính cho khách hàng, cũng như đầu tư nâng cấp và đổi mới về công nghệ.
- Vì vậy, BETA đã và đang không ngừng đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, BETA đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.



CÁC RỦI RO MANG TÍNH BẤT KHẢ KHÁNG

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của BETA. Do đó BETA đặc biệt chú trọng đến việc nguồn nhân lực, hệ thống công nghệ thông tin nhằm mục đích khôi phục và ổn định hoạt động của BETA nhanh nhất khi xảy ra các rủi ro này.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

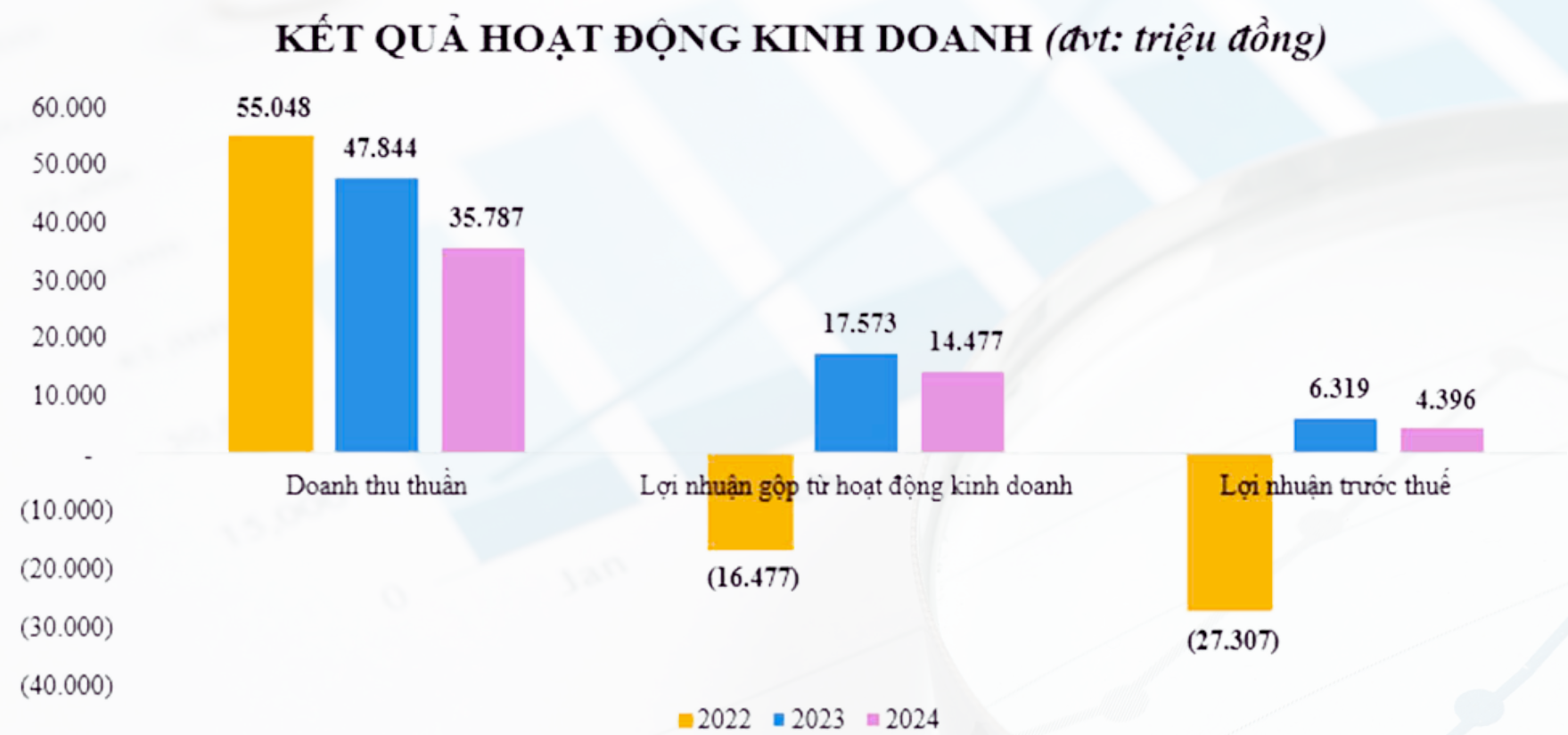
- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức và nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, thị trường tài chính trải qua nhiều biến động do tác động của cả yếu tố kinh tế và địa chính trị. Tuy nhiên, chứng khoán vẫn ghi nhận đà phục hồi tích cực. Chốt phiên giao dịch cuối năm, VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Thanh khoản thị trường cũng cải thiện đáng kể, với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt khoảng 21.100 tỷ đồng, tăng 19,9% so với năm trước.

Những biến động khó lường trên thị trường đã tạo ra không ít thách thức. Trong bối cảnh đó, BETA phải đối mặt với môi trường kinh doanh đầy biến động. Cụ thể:



Theo đó, doanh thu thuần của BETA năm 2024 đạt 35,78 tỷ đồng, giảm 25,20% so với năm 2023. Điều này đã phản ánh sự khó khăn và thách thức trong hoạt động kinh doanh của BETA nói riêng và của thị trường chứng khoán nói chung với nhiều yếu tố biến động khó lường trong năm vừa qua. Cùng với đó, trong năm 2024, lợi nhuận trước thuế của BETA đạt 4,39 tỷ đồng, giảm hơn 30,42% so với năm 2023.

Với việc các chính sách tài khóa và tiền tệ tiếp tục được triển khai theo hướng hỗ trợ tăng trưởng, đầu tư công sẽ giữ vai trò động lực chính, trong khi đầu tư tư nhân và tiêu dùng nội địa được kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ. Dòng vốn FDI dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có thể chững lại so với mức 15% của năm 2024. Quốc hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 từ 8% trở lên, tạo nền tảng vững chắc để nhiều ngành nghề và doanh nghiệp lấy lại đà tăng trưởng. Những yếu tố này hứa hẹn sẽ tác động tích cực đến thị trường chứng khoán Việt Nam, giúp BETA đạt được những kết quả kinh doanh khả quan và nhiều cơ hội phát triển thuận lợi hơn trong năm 2025.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ÔNG NGUYỄN VĂN CỰ

Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm về quản trị và đầu tư trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán. Ông Nguyễn Văn Cự tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Hoa Kỳ, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và Cử nhân Luật.
Hiện Ông Nguyễn Văn Cự đang sở hữu 9.800.000 cổ phần, tỉ lệ sở hữu 24,50 % tổng số cổ phần của BETA.



PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG

Bà là thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào hoạt động điều hành của BETA. Bà là người am hiểu sâu sắc và có nhiều năm kinh nghiệm đảm trách hoạt động quản trị tài chính cho nhiều doanh nghiệp. Bà Nguyễn Thị Minh Quang tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Cử nhân tài chính tại Hoa Kỳ.
Hiện Bà Nguyễn Thị Minh Quang sở hữu 5.182.500 cổ phần, tỉ lệ sở hữu 12,96 % tổng số cổ phần của BETA.



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ÔNG HUỲNH VĂN TỐT

Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và đã từng giữ nhiều chức vụ quản trị, điều hành tại các tổ chức tài chính – ngân hàng lớn tại Việt Nam.
Ông Huỳnh Văn Tốt đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc BETA từ tháng 9/2012 đến ngày 29/12/2020.
Ông Huỳnh Văn Tốt hiện không sở hữu cổ phần tại BETA.

BAN ĐIỀU HÀNH



TỔNG GIÁM ĐỐC ÔNG HOÀNG THANH BÌNH

Cử nhân Tài chính – Ngân hàng trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Chứng khoán. Ông Hoàng Thanh Bình giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ ngày 29/12/2020 đến nay. Ông Hoàng Thanh Bình hiện không sở hữu cổ phần tại BETA.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC BÀ NGUYỄN THỊ MINH QUANG

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar. Tốt nghiệp Đại học Bang California, Fullerton. Có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán. Bà Nguyễn Thị Minh Quang Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ năm 2008 đến nay.



KẾ TOÁN TRƯỞNG BÀ NGUYỄN THỊ TUẤT

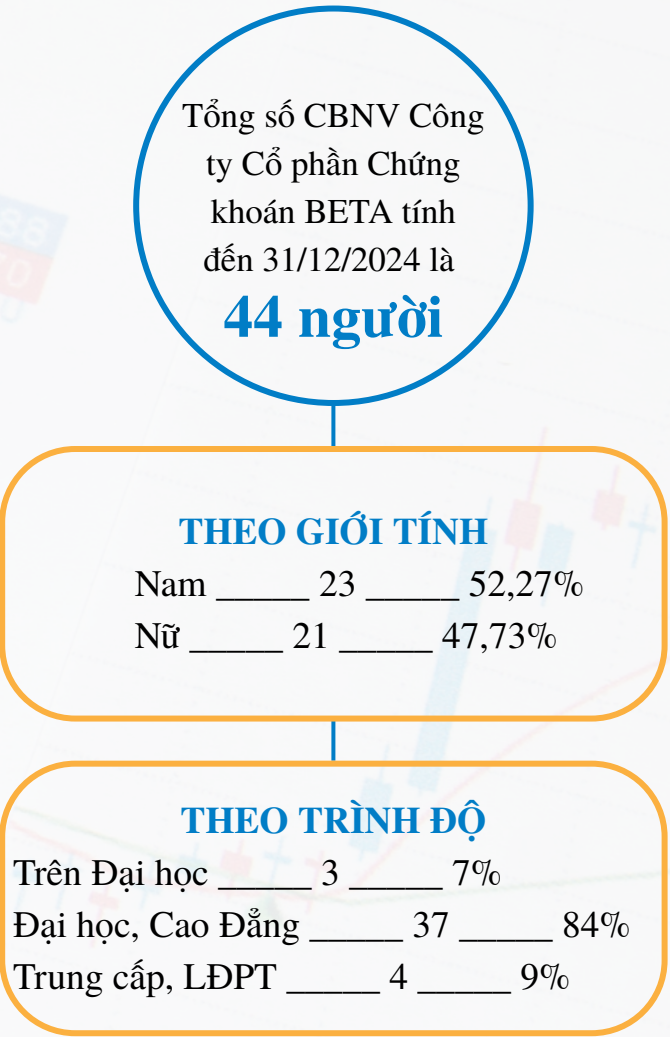
Cử nhân kinh tế trường ĐH Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán. Giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA kể từ ngày 07/10/2022 đến nay.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2024, trong Ban điều hành Công ty không có thay đổi về nhân sự.

CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ nhân viên của công ty không ngừng được nâng cao về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và tinh thần làm việc chuyên nghiệp, góp phần tạo nên sự thành công của công ty trong nhiều năm qua. Tính đến cuối năm 2024, tổng số nhân sự của BETA là 44 cán bộ nhân viên, trong đó:



Nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện cho nhân sự, trong năm 2024, công ty đã thực hiện một số chính sách quan trọng như:

- Tuyển dụng và tìm kiếm những ứng viên có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.
- Cải thiện chính sách lương thưởng và phúc lợi, đảm bảo mức đãi ngộ cạnh tranh nhằm giữ chân nhân tài và tạo động lực làm việc lâu dài cho nhân viên.
- Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn, bao gồm các khóa học về chứng khoán, quản lý tài chính, kỹ năng tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng, giúp nhân viên nâng cao kiến thức và kỹ năng thực tiễn.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, khuyến khích tinh thần đổi mới, giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực cá nhân và đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- 1. Các khoản đầu tư lớn: không phát sinh.
- 2. Các công ty con, công ty liên kết: không phát sinh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	% N2024 / N2023
Tổng giá trị tài sản	470.789.851.703	436.561.308.221	92,73%
Doanh thu thuần	47.844.467.807	35.786.807.130	74,80%
Lợi nhuận từ HĐKD	17.573.430.910	14.477.284.126	82,38%
Lợi nhuận khác	(121.101.667)		
Lợi nhuận trước thuế	6.318.912.119	4.396.488.961	69,58%
Lợi nhuận sau thuế	6.318.912.119	4.341.216.773	68,70%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	151	109	72,67%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	8,73	135,88	
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	8,73	135,88	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	0,09	0,01	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,09	0,01	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,10	0,08	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,12	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,1	0,01	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1	0,01	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,37	0,40	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.000.000
Loại cổ phần: Phổ thông
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
		SL Cổ đông	SL Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	SL Cổ đông	SL Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1. Cổ đông sở hữu từ 5% vốn biểu quyết trở lên							
1	Cá nhân	5	28.081.830	70,205	0	0	0
2	Tổ chức	1	4.400.000	11	0	0	0
2. Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn biểu quyết							
1	Cá nhân	74	5.482.670	13,706	0	0	0
2	Tổ chức	2	2.035.500	5,089	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm	Giá trị	Loại chào bán
1	12/2007	135.000.000.000	Chào bán riêng lẻ
2	07/2008	135.000.000.000	Chào bán riêng lẻ
3	08/2008	30.000.000.000	Chào bán riêng lẻ
4	08/2021	100.000.000.000	Chào bán riêng lẻ

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty đã áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Hệ thống kiểm soát tiêu thụ nước được lắp đặt tại các văn phòng nhằm hạn chế tình trạng lãng phí và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm việc thực hiện đầy đủ các báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA) và áp dụng các giải pháp giảm thiểu khí thải carbon trong hoạt động vận hành.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động, bao gồm:

- Cung cấp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo công bằng trong tuyển dụng, thăng tiến và đãi ngộ, không phân biệt giới tính, độ tuổi, tất cả đều dựa vào năng lực, hiệu quả làm việc của nhân viên.
- Tổ chức các chương trình chăm lo đời sống tinh thần cho nhân viên như hoạt động thể thao, du lịch và gắn kết nội bộ.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty thường xuyên tuyên truyền và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hỗ trợ giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Không áp dụng.

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 06 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, BETA tiếp tục đối diện với nhiều thách thức khi thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Kết quả hoạt động của BETA cũng phần nào phản ánh những khó khăn chung, cho thấy bối cảnh kinh doanh vẫn còn nhiều biến động và thách thức cần vượt qua. Trong đó doanh thu thuần suy giảm hơn 25,20% so với năm trước khi ghi nhận đạt 35,78 tỷ đồng, cụ thể hoạt động kinh doanh của một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- **Môi giới chứng khoán**

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khi các công ty chứng khoán liên tục sử dụng chính sách giá ưu đãi để giành thị phần, do vậy BETA không ngừng đổi mới chiến lược và tối ưu dịch vụ. Nhờ những chính sách hợp lý và nỗ lực không ngừng, BETA đã đạt được kết quả tích cực. Doanh thu từ hoạt động môi giới trong năm 2024 đạt 2,3 tỷ đồng, tăng 9,7% so với mức 2,1 tỷ đồng của năm 2023, khẳng định hiệu quả của những cải tiến mà công ty đã triển khai.

- **Lưu ký chứng khoán**

Trong năm 2024, BETA tiếp tục thực hiện dịch vụ lưu ký với đầy đủ sự chuẩn mực và cẩn trọng cho khách hàng. Doanh thu hoạt động lưu ký năm 2024 đạt 433 triệu đồng, giảm mạnh 47,06% so với mức 818 triệu đồng của năm 2023.

- **Doanh thu tư vấn và bảo lãnh phát hành**

Tiếp tục đóng vai trò là hoạt động quan trọng để xây dựng nên thương hiệu và hình ảnh của BETA, đồng thời cũng là hoạt động mang lại khách hàng tiềm năng cho hoạt động môi giới, tư vấn đầu tư. Năm 2024, hoạt động này đạt doanh thu 4,74 tỷ đồng, giảm 18,91% so với mức 5,84 tỷ đồng của năm 2023.

- **Lãi nhận được từ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** 861,56 triệu đồng
- **Khoản tăng đánh giá tài sản tài chính (FVTPL):** 14,37 tỷ đồng
- **Tổng chi phí hoạt động:** Trong năm 2024, tổng chi phí hoạt động của BETA ghi nhận 21,31 tỷ đồng, giảm mạnh 29,6% so với mức 30,27 tỷ đồng trong năm 2023, góp phần cải thiện đáng kể kết quả hoạt động kinh doanh chung của BETA trong năm 2024.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cuối năm 2024, tổng tài sản của BETA giảm 34,23 tỷ đồng. Cụ thể, tại ngày 31/12/2024 các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) là 23,98 tỷ đồng giảm 19,36 tỷ đồng tương ứng giảm 44,7% so với số liệu tại ngày 31/12/2023.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn cuối năm 2024 đạt 71,66 tỷ đồng, không có sự thay đổi so với giai đoạn đầu năm. BETA giữ vững tỷ lệ đầu tư phù hợp cho đến hiện tại.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- BETA tiếp tục đẩy mạnh chiến lược mở rộng đội ngũ nhân sự song song với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo sự phát triển bền vững và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Không chỉ dừng lại ở việc tuyển dụng, BETA còn tập trung đầu tư vào việc đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, giúp họ cập nhật những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao.
- Bên cạnh đó, BETA chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm và tận tâm. Công ty luôn đề cao tinh thần chính trực, trung thực, tôn trọng khách hàng cũng như đồng nghiệp, tạo động lực để nhân viên không ngừng phấn đấu và cống hiến. Sự kết hợp giữa chuyên môn vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt giúp đội ngũ nhân sự của BETA mang đến trải nghiệm dịch vụ chất lượng, góp phần xây dựng uy tín thương hiệu.
- Với định hướng phát triển này, BETA tin tưởng sẽ không ngừng nâng cao sự hài lòng và lòng tin của khách hàng, khẳng định vị thế trên thị trường và tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Thúc đẩy số hóa & chuyển đổi số
 - o Đổi mới mô hình kinh doanh, tận dụng công nghệ để tạo ra cơ hội mới.
 - o Gia tăng doanh thu, nâng cao giá trị và hiệu quả hoạt động.
- Quản lý nguồn vốn an toàn & hiệu quả
 - o Đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn của cổ đông và nguồn vốn vay (nếu có).
 - o Giám sát chặt chẽ dòng tiền, tối ưu hóa chi phí, giảm thiểu rủi ro tài chính.
- Duy trì hoạt động bền vững & kiểm soát rủi ro
 - o Đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và tuân thủ quy định.
 - o Chủ động nhận diện, đánh giá và hạn chế tối đa rủi ro tiềm ẩn.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của BETA, BETA giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán, cụ thể như sau:

- Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn với giá trị khoản đầu tư gốc là **38.942.099.010** đồng dựa trên Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty CP Dịch Vụ Điện Tử Việt lập mà chưa được kiểm toán do đơn vị nêu trên không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tại 31/12/2024, đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc với giá trị khoản đầu tư gốc là **14.850.000.000** đồng, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng theo quy định do đến ngày phát hành báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty này.
- Tại 31/12/2024, đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú với giá trị khoản đầu tư gốc là **8.287.500.000** đồng, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng cần phải điều chỉnh theo quy định do đến ngày phát hành báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty này.

Trên đây là giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động kinh doanh. Trong năm 2024, công ty đã triển khai các sáng kiến:

- Công ty đã áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện trong hệ thống văn phòng, bao gồm sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, đèn LED thay thế bóng đèn sợi đốt truyền thống và điều chỉnh nhiệt độ điều hòa hợp lý nhằm giảm tiêu thụ điện năng.
- Khuyến khích nhân viên sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi chung xe hoặc sử dụng xe điện nhằm giảm thiểu khí thải carbon.
- Triển khai chương trình "Văn phòng Xanh", khuyến khích nhân viên sử dụng giấy tái chế, hạn chế in ấn không cần thiết và sử dụng tài liệu điện tử thay thế.
- Thu gom và phân loại rác thải đúng quy định, hợp tác với các đơn vị xử lý rác thải để đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Chính sách chế độ phúc lợi:
 - Công ty đảm bảo mức lương cạnh tranh, thưởng dựa trên hiệu suất và chính sách phúc lợi hấp dẫn, giúp thu hút và giữ chân nhân tài.
 - Xây dựng chính sách hỗ trợ nhân viên về sức khỏe và tinh thần, bao gồm chương trình khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ tâm lý và hoạt động thể thao nâng cao thể chất.
- Đào tạo và phát triển nhân sự:
 - Trong năm qua, công ty đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm cho nhân viên.
 - Xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng, tạo cơ hội thăng tiến cho nhân viên có năng lực và cống hiến lâu dài.
 - Triển khai các khóa học về chứng khoán, quản lý rủi ro, kỹ năng tư vấn đầu tư nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp:
 - Công ty thúc đẩy văn hóa làm việc minh bạch, công bằng, đảm bảo môi trường làm việc không có sự phân biệt đối xử về giới tính, tuổi tác, xuất thân hay trình độ học vấn.
 - Tổ chức các hoạt động Team Building, du lịch hàng năm và các chương trình gắn kết nội bộ nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết giữa các nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty đã tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc thuộc các trường đại học có ngành đào tạo về tài chính - chứng khoán, nhằm khuyến khích và phát triển thế hệ trẻ tài năng trong ngành.
- Tham gia các chương trình từ thiện như hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ các gia đình chịu ảnh hưởng của thiên tai và tổ chức các sự kiện gây quỹ cho cộng đồng.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01 Đối với Cán bộ Nhân viên
- 02 Đối với Môi trường
- 03 Đối với Cộng đồng
- 04 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 05 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tại BETA, Hội đồng quản trị luôn quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của BETA trong giai đoạn hiện nay. Hội đồng quản trị đã, đang và sẽ thiết lập một nền văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

BETA luôn hướng đến một môi trường xanh – sạch – đẹp nơi công sở, hạn chế tối đa việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, CBNV đã có nhiều việc làm, nhiều hành động đẹp góp phần lan tỏa những thông điệp ý nghĩa về bảo vệ môi trường, hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” tại Công ty.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được Công ty xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Công ty luôn tạo công việc hợp pháp và nộp thuế đầy đủ giúp xây dựng đất nước. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại BETA.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát cùng phối hợp chặt chẽ trong hoạt động của BETA nhằm giữ tăng trưởng ổn định và phát triển; xây dựng nguồn lực tài chính vững mạnh, tối ưu chi phí và tối đa lợi nhuận; tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty; đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước, với cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện trách nhiệm và hiệu quả các định hướng và chủ trương của Hội đồng quản trị. Triển khai đồng bộ và kịp thời nhiều giải pháp kinh doanh phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị và diễn biến thị trường nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 Hội đồng quản trị
- 02 Ban Kiểm soát
- 03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
01	Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch	24,50
02	Bà Nguyễn Thị Minh Quang	P. Chủ tịch	12,96
03	Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên	0

b) Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác

STT	HĐQT BETA	Chức vụ tại các công ty khác
01	Ông Nguyễn Văn Cựu	• Chủ tịch HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Ô Tô Kim Thanh. • Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức. • Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Môi Trường Sống.
02	Bà Nguyễn Thị Minh Quang	• Chủ tịch HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Điện Tử Việt. • Thành viên HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Nhật Minh. • Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Phú An Thịnh Vượng. • Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Phát Hành Sách Khánh Hòa • Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Môi Trường Sống.
03	Ông Huỳnh Văn Tốt	• Thành viên HĐQT tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Điện Tử Việt.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

• Ủy ban nhân sự

STT	Tên	Chức danh
01	Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
02	Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch
03	Hoàng Thanh Bình	Thành viên
04	Nguyễn Viết An	Thành viên

• Hội đồng đầu tư

STT	Tên	Chức danh
01	Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
02	Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch
03	Hoàng Thanh Bình	Thành viên

• Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

STT	Tên	Chức danh
01	Ngô Thị Ý Như	Trưởng Ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	001/2024/NQ-HĐQT-BSI	02/01/2024	Quyết định giao cho Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm - Thành viên BQL dự án đầu tư hạn mức đầu tư từ ngày 02/01/2024 để tìm kiếm cơ hội đầu tư.	67%
02	002/2024/NQ-HĐQT-BSI	02/01/2024	Quyết định giao cho Bà Võ Thị Thùy Linh - Thành viên BQL dự án đầu tư hạn mức đầu tư từ ngày 02/01/2024 để tìm kiếm cơ hội đầu tư	67%
03	003/2024/NQ-HĐQT-BSI	02/01/2024	Quyết định giao cho Bà Mai Thị Trường An - Thành viên BQL dự án đầu tư hạn mức đầu tư từ ngày 02/01/2024 để tìm kiếm cơ hội đầu tư	67%
04	004/2024/NQ-HĐQT-BSI	27/02/2024	Thông qua việc ký kết 02 Hợp đồng với Người có liên quan là Công ty CP Phát hành sách Khánh Hòa vào ngày 27/02/2024	100%
05	005/2024/NQ-HĐQT-BSI	20/03/2024	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
06	006/2024/NQ-HĐQT-BSI	07/05/2024	Chốt danh sách các cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 và giao quyền cho CT HĐQT được quyền lựa chọn, quyết định thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ	100%
07	007/2024/QĐ-HĐQT-BSI	27/05/2024	Chốt thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100%
08	008/2024/QĐ-HĐQT-BETA	31/05/2024	Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Minh Quang làm Phó Tổng Giám đốc thường trực và thông qua Quy định phân công nhiệm vụ trong Ban Điều hành	100%
09	010/2024/NQ-HĐQT-BETA	26/06/2024	Thông qua việc ký kết 02 Hợp đồng với Người có liên quan là Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt (VESCO JSC) vào ngày 26/06/2024.	100%
10	011/2024/NQ-HĐQT-BETA	20/09/2024	Thông qua việc ký kết 01 Hợp đồng với Người có liên quan là Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt (VESCO JSC) vào ngày 20/09/2024.	100%
11	012/2024/NQ-HĐQT-BETA	23/09/2024	Thông qua việc ký kết 01 Hợp đồng với Người có liên quan là Công ty CP Môi Trường Sống vào ngày 23/09/2024.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động, số lượng cuộc họp, nội dung và kết quả)

Ủy ban Nhân sự

- Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của BETA; tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát và người điều hành của BETA theo điều lệ của BETA. Nghiên cứu tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của BETA thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự và các chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành, các cán bộ nhân viên của BETA. Ủy Ban Nhân sự do Hội đồng quản trị thành lập.
- Ủy ban Nhân sự họp định kỳ mỗi tháng hoặc đột xuất khi có vấn đề phát sinh.

Hội đồng Đầu tư

- Hội đồng Đầu tư có chức năng xem xét, quyết định phê duyệt việc cấp đầu tư theo quy định của BETA trong từng thời kỳ, chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát việc quản lý các khoản đầu tư, tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong lĩnh vực đầu tư thương mại.
- Hội đồng đầu tư họp định kỳ mỗi tháng hoặc đột xuất khi có vấn đề phát sinh.

Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ hoạt động theo đúng các quy định trong chức năng tổ chức và hoạt động của Tiểu ban đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- Kiểm toán nội bộ họp định kỳ mỗi tháng hoặc đột xuất khi có vấn đề phát sinh.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Không có

BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
01	Phan Hoàng Phong	Trưởng ban	0%
02	Nguyễn Thị Hải	Thành viên	0%
03	Trần Thanh Khiết	Thành viên	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.
- Hoạt động trong năm 2024:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
- Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ.
- Kết quả hoạt động giám sát năm 2024: Hoạt động của Công ty cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thực hiện đầy đủ.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VND)	Thù lao (VND)
Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên HĐQT	783.830.000	-
Ông Hoàng Thanh Bình	Tổng Giám đốc	735.928.000	-
Bà Nguyễn Thị Tuất	Kế toán trưởng	414.244.000	-
Ông Phan Hoàng Phong	Trưởng Ban kiểm soát	-	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000
Trần Thanh Khiết	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Không phát sinh

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- BETA tin rằng quản trị doanh nghiệp là chìa khóa quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty. Do đó, song song với việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản trị công ty, BETA đã từng bước hoàn thiện các quy định nội bộ về quản trị công ty nhằm tiệm cận với những thông lệ tiên tiến trên thị trường và trong khu vực.
- Các khía cạnh mà BETA đã thực hiện tốt nhất trong năm vừa qua là: Đối xử bình đẳng với cổ đông, Công bố thông tin minh bạch, Củng cố và giám sát xung đột lợi ích.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ trang 07 đến trang 49 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 400.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cự	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Hoàng Phong	Thành viên, Trưởng ban
Ông Trần Thanh Khiết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Thanh Bình - Tổng Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Tuất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. HCM đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cự

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Số: 014/2025/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, cụ thể:

- Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt với giá trị khoản đầu tư gốc là 38.942.099.010 đồng, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) cho khoản đầu tư này mà đang trình bày theo giá gốc căn cứ vào Báo cáo tài chính do Công ty nhận đầu tư này lập (Công ty này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành). Do đó, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng phải trích lập (nếu có) theo quy định tại ngày 31/12/2024, cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức với giá trị khoản đầu tư gốc là 14.850.000.000 đồng, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty nhận đầu tư này làm cơ sở xem xét việc trích lập dự phòng (nếu có), cũng như Công ty cũng chưa xem xét ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty nhận đầu tư này để lượng hóa được mức độ ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ này đến giá trị trích lập dự phòng (nếu có) tại ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét giá trị dự phòng phải trích lập (nếu có) tại ngày 31/12/2024 theo quy định, cũng như xác định những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.
- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần An Phú với giá trị khoản đầu tư gốc là 8.287.500.000 đồng, đã trích lập dự phòng đến ngày 31/12/2024 là 352.341.390 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty nhận đầu tư này làm cơ sở xem xét giá trị dự phòng cần điều chỉnh (nếu có) của khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) tại ngày 31/12/2024 theo quy định, cũng như xác định những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 3558-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Hà Thị Thanh Thúy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 4707-2024-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.101.144.548	353.660.456.250
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		320.510.121.346	353.141.627.058
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	259.685.437.236	275.384.638.503
Tiền	111.1		259.685.437.236	275.384.638.503
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	23.984.294.100	43.347.038.050
Các khoản cho vay	114	7.2	33.590.276.759	27.876.419.670
Các khoản phải thu	117	8	275.012.220	283.899.943
Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	8	-	150.000.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	8	275.012.220	133.899.943
Trả trước cho người bán	118	8	228.144.200	377.250.200
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	2.746.539.581	5.871.963.442
Các khoản phải thu khác	122	8	25.785.284.763	25.785.284.763
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	9	(25.784.867.513)	(25.784.867.513)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		591.023.202	518.829.192
Tạm ứng	131	10	19.000.000	16.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	572.023.202	502.829.192
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.460.163.673	117.129.395.453
Tài sản tài chính dài hạn	210		71.303.257.620	71.303.257.620
Các khoản đầu tư	212	13	71.655.599.010	71.655.599.010
Đầu tư dài hạn khác	212.4		71.655.599.010	71.655.599.010
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	13	(352.341.390)	(352.341.390)
Tài sản cố định	220		5.919.200.317	6.759.641.135
Tài sản cố định hữu hình	221	14	652.454.520	945.017.466
- Nguyên giá	222		11.224.896.403	11.224.896.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(10.572.441.883)	(10.279.878.937)
Tài sản cố định vô hình	227	15	5.266.745.797	5.814.623.669
- Nguyên giá	228		15.103.929.770	14.724.429.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(9.837.183.973)	(8.909.806.101)
Tài sản dài hạn khác	250		38.237.705.736	39.066.496.698
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	33.038.000.000	33.008.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	486.346.301	1.550.673.005
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	4.713.359.435	4.507.823.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		436.561.308.221	470.789.851.703

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.363.175.805	40.516.504.966
Nợ phải trả ngắn hạn	310		2.363.175.805	40.516.504.966
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	60.493.250	71.066.811
Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	1.054.000	2.224.908
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		194.100.000	214.100.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	246.112.796	549.178.816
Phải trả người lao động	323		858.431.124	915.874.517
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		127.304.042	144.704.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	19	114.597.557	38.130.703.427
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		761.083.036	488.651.942
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		434.198.132.416	430.273.346.737
Vốn chủ sở hữu	410	20	434.198.132.416	430.273.346.737
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		997.951.052	997.951.052
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		2.466.410.361	2.466.410.361
Lợi nhuận chưa phân phối	417		30.733.771.003	26.808.985.324
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		20.447.690.839	15.861.528.871
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		10.286.080.164	10.947.456.453
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		436.561.308.221	470.789.851.703

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	21	1.037.935.347	1.037.935.347
Cổ phiếu đang lưu hành	006		40.000.000	40.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22	6.530.110.000	14.350.110.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	40.000	61.090.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24	952.515.960.000	929.274.740.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		258.896.300.000	235.013.860.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		325.000.000	1.668.040.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		229.166.980.000	229.166.980.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		3.674.960.000	2.973.140.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	25	22.371.930.000	27.151.080.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		22.371.930.000	27.151.080.000
Tiền gửi của khách hàng	026		18.527.753.276	13.834.792.431
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	26	12.184.033.826	9.058.346.461
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	26	6.343.719.450	4.776.445.970
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27	18.527.753.276	13.834.792.431
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		18.525.077.132	13.832.023.095
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		2.676.144	2.769.336
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32	28	-	3.192.000
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	28	950	-

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuất
Kế toán trưởng

Hoàng Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

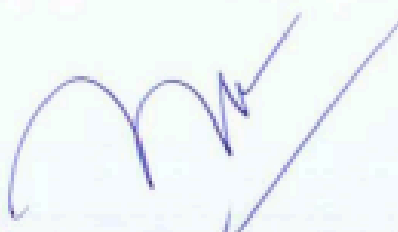
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		25.459.680.204	33.934.587.181
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	31	10.960.865.839	10.194.122.883
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	32	14.366.304.365	22.756.951.698
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	33	132.510.000	983.512.600
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	33	861.561.742	1.743.753.427
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	33	1.977.847.629	2.077.781.390
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	34	2.313.578.556	2.109.046.526
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	34	-	1.100.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	34	433.076.270	818.117.285
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	34	4.740.000.000	5.845.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	34	1.062.729	216.181.998
Cộng doanh thu hoạt động	20		35.786.807.130	47.844.467.807
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		15.027.680.654	23.312.079.431
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	31	-	1.425.417.972
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	32	15.027.680.654	21.886.661.459
Chi phí hoạt động tự doanh	26		438.000.000	438.000.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	35	4.574.843.286	5.349.961.757
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	35	325.351.398	344.161.240
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	35	941.625.567	843.402.759
Chi phí các dịch vụ khác	32	35	2.022.099	(16.568.290)
Cộng chi phí hoạt động	40		21.309.523.004	30.271.036.897
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	36	3.027.621.752	3.610.468.085
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		3.027.621.752	3.610.468.085
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	352.341.390
Cộng chi phí tài chính	60		-	352.341.390
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	37	13.108.416.917	14.391.543.819
Kết quả hoạt động	70		4.396.488.961	6.440.013.786
Thu nhập khác	71	38	-	3.898.333
Chi phí khác	72		-	125.000.000
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	(121.101.667)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		4.396.488.961	6.318.912.119
Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.057.865.250	5.448.621.880
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(661.376.289)	870.290.239
Chi phí thuế TNDN	100		55.272.188	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	39	55.272.188	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		4.341.216.773	6.318.912.119
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	40	109	151


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Tuất
Kế toán trưởng


Hoàng Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(796.605.459.411)	(660.205.372.333)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		810.553.835.822	757.641.513.905
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(151.162.546)	(136.676.966)
Cổ tức đã nhận	04		132.510.000	983.512.600
Tiền lãi đã thu	05		3.043.534.650	6.057.306.475
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(839.166.825)	(772.236.605)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(9.392.830.589)	(10.432.867.134)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(2.428.094.692)	(7.521.058.246)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		1.036.470.034.016	1.201.078.801.967
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(1.058.880.901.692)	(1.130.496.321.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.097.701.267)	156.196.602.009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(379.500.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		150.000.000	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		2.628.000.000	3.279.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.398.500.000	3.279.000.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		(15.699.201.267)	159.475.602.009
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		275.384.638.503	115.909.036.494
Tiền	61		275.384.638.503	115.909.036.494
Các khoản tương đương tiền	62		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	259.685.437.236	275.384.638.503
Tiền	71	5	259.685.437.236	275.384.638.503
Các khoản tương đương tiền	72	5	-	-

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.174.637.549.135	1.009.329.857.687
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(962.175.170.817)	(655.564.536.513)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(207.720.799.209)	(355.240.914.488)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(106.910.264)	(179.170.496)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		14.994.058.304	82.266.624.911
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(14.938.957.354)	(82.266.624.911)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		4.689.769.795	(1.654.763.810)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		13.837.984.431	15.492.748.241
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		13.837.984.431	15.492.748.241
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		9.058.346.461	13.645.568.081
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		4.776.445.970	1.847.180.160
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		3.192.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		18.527.754.226	13.837.984.431
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		18.527.754.226	13.837.984.431
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.184.033.826	9.058.346.461
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		6.343.719.450	4.776.445.970
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		950	3.192.000
Trong đó có kỳ hạn:				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuất
Kế toán trưởng

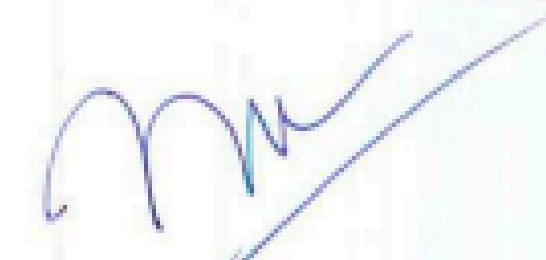


Hoàng Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	423.990.434.618	430.273.346.737	34.678.417.948	(28.395.505.829)	26.033.056.039	(22.108.270.360)	430.273.346.737	434.198.132.416
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	997.951.052	997.951.052	-	-	-	-	997.951.052	997.951.052
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.466.410.361	2.466.410.361	-	-	-	-	2.466.410.361	2.466.410.361
Lợi nhuận chưa phân phối	20.526.073.205	26.808.985.324	34.678.417.948	(28.395.505.829)	26.033.056.039	(22.108.270.360)	26.808.985.324	30.733.771.003
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	10.448.906.991	15.861.528.871	13.386.191.278	(7.973.569.398)	12.085.609.168	(7.499.447.200)	15.861.528.871	20.447.690.839
- Lợi nhuận chưa thực hiện	10.077.166.214	10.947.456.453	21.292.226.670	(20.421.936.431)	13.947.446.871	(14.608.823.160)	10.947.456.453	10.286.080.164
Cộng	423.990.434.618	430.273.346.737	34.678.417.948	(28.395.505.829)	26.033.056.039	(22.108.270.360)	430.273.346.737	434.198.132.416
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Tuất
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007, Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2020 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP ngày 06/12/2007 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1.2 ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Trụ sở chính đặt tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện tại Nha Trang: Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA - Văn phòng Đại diện Nha Trang tại địa chỉ số 34 Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 46 người (tại ngày 31/12/2023 là 47 người).

1.3 ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều lệ Công ty ban hành lần đầu ngày 10/05/2007 và được sửa đổi thay thế lần cuối ngày 20/06/2022.

1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quy mô vốn

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 400.000.000.000 đồng.

Mục tiêu đầu tư

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ chứng khoán. Theo đó, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cụ thể:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế đầu tư (tiếp)

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
 - Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Thông tư này và hạn chế đầu tư theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh, các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

Công ty có 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Nha Trang là Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA - Văn phòng Đại diện Nha Trang (MST: 0305351556-002) tại địa chỉ số 34 Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty và đặc biệt là các quy định ban hành của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 40 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên Báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và lãi lỗ thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC đưa ra các quy định, nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016, riêng các nguyên tắc và phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý chỉ được áp dụng khi Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã cho phép ghi nhận và đánh giá lại theo nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Từ ngày 01/01/2017, giá trị các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý theo quy định.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền hiện có của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo, gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK, tiền mặt tại quỹ của CTCK, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của CTCK và các khoản tương đương tiền (nếu có).

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ tài chính:

4.2.1. NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tài sản tài chính được phân loại thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Danh mục tài sản tài chính chứng khoán tự doanh FVTPL phải chấp hành quy định pháp luật chứng khoán hiện hành. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL mua vào thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi sổ kế toán theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (Đối với chứng khoán chưa niêm yết của Tổ chức phát hành) hoặc giá khớp lệnh mua, bán chứng khoán trên các Sở Giao dịch chứng khoán (Đối với chứng khoán niêm yết). Giá mua các tài sản tài chính không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: Phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoản thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại TSTC được phân loại nhóm khác khi bán cần phải phân loại vào FVTPL.

Các TSTC FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

b) Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL).
- Các TSTC phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS), và
- Các TSTC phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC AFS được phép phân loại sang

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.2.1. NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI TSTC VÀ NỢ TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

d) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay thuộc Danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của luật chứng khoán (sau đây gọi tắt là rủi ro) là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay thì phải lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK. Công ty chứng khoán sẽ lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

4.2.2. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá trị thị trường và giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp và mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành lại tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.2.2 NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và Điều 28 Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 đã cho phép ghi nhận theo nguyên tắc giá trị hợp lý: các tài sản và nợ phải trả được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Theo đó, căn cứ quy định tại Thông tư số 210 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại cao hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2024 là 10.527.604.183 đồng và giá trị các Tài sản tài chính đánh giá lại thấp hơn so với giá mua trên sổ sách tại ngày 31/12/2024 là 241.524.019 đồng. Phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

Theo quy định, cuối tháng chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL trong năm 2024 là 14.366.304.365 đồng.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết “chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL trong năm 2024 là 15.027.680.654 đồng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK xác định lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán). Số chênh lệch tăng, giảm do đánh giá lại của từng loại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK không bù trừ giữa các tài sản tài chính.

4.3 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Cuối kỳ kế toán, Công ty chứng khoán phải đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập.

Đối với các tài sản nhận thế chấp của CTCK phải thực hiện đánh giá lại tài sản này theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Khi giá trị của tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (Theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp) thì phải lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tài sản nhận thế chấp được thực hiện ở cuối kỳ kế toán. Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

4.5 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (Tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, nếu Công ty chứng khoán hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc, thì việc lập dự phòng được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư theo quy định của cơ chế tài chính.

Nguyên tắc kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn:

- Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó.
- Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CÁC PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các TSTC: Toàn bộ giá trị phải thu bán các TSTC thuộc danh mục TSTC của CTCK phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC: tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán” trong kỳ. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.10 CÁC QUỸ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

Công ty chưa xem xét bổ sung vốn điều lệ đối với số dư tại ngày 31/12/2024 của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định mới tại Thông tư số 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17/12/2021 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, đã thay thế hoàn toàn Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

4.11 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Là khoản phí môi giới CTCK được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng. Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho CTCK khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí khác thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. Doanh thu này được xác định vào cuối mỗi tháng. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP) <i>(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)</i>	
4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)	
4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)	
<i>Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán</i>	
Cơ sở ghi nhận giảm số lượng và giá trị các tài sản tài chính bán trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện và nhận được Thông báo kết quả bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) hoặc (Đối với chứng khoán niêm yết) hoặc của Tổ chức bù trừ và thanh toán được ủy nhiệm (Đối với chứng khoán chưa niêm yết mà CTCK được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành). Khi đó chứng khoán được xác định chuyển quyền sở hữu và việc nghĩa vụ thanh toán chứng khoán được thực hiện. Doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (Được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch).	
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Trong đó: - Chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập; - Chênh lệch lỗ được ghi nhận vào TK 632 - Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh.	
Về thời điểm ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+x ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán được thực hiện doanh thu bán các tài sản tài chính là ngày T+x (Bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán và không qua Sở Giao dịch chứng khoán). Công ty chứng khoán có thể ghi nhận doanh thu bán các tài sản tài chính tại ngày T+0 ngày khớp lệnh giao dịch mua, bán các tài sản tài chính (Trường hợp mua bán các TSTC trên Sở Giao dịch chứng khoán).	
<i>Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán</i>	
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.	
<i>Thu nhập lãi</i>	
Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.	
<i>Cổ tức</i>	
Doanh thu được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.	
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	
Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.	
Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP) <i>(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)</i>	
4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)	
4.13 GHI NHẬN CHI PHÍ	
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	
4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	
Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.	
Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.	
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.	
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.	
4.15 CÁC BÊN LIÊN QUAN	
Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.	
Theo đó, các bên liên quan là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong kỳ với Công ty.	
4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN	
Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tại trụ sở chính của Công ty). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	201.848.051	175.336.534
Tiền gửi ngân hàng	259.483.589.185	275.209.301.969
Cộng	259.685.437.236	275.384.638.503

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	999.105	38.435.913.500
- Cổ phiếu	999.105	38.435.913.500
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	97.658.689	1.859.147.302.200
- Cổ phiếu	97.658.689	1.859.147.302.200
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	98.657.794	1.897.583.215.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	13.698.213.936	23.984.294.100	32.399.581.597	43.347.038.050
STB	10.835.189.917	21.327.794.100	23.020.323.969	34.322.292.550
VNM	1.789.400.000	1.585.000.000	1.397.800.000	1.318.200.000
ACB	481.000.000	516.000.000	-	-
VPB	388.000.000	384.000.000	-	-
VRE	204.000.000	171.500.000	-	-
REE	-	-	4.514.500.000	4.260.000.000
CTG	-	-	2.096.964.103	2.116.645.500
QNS	-	-	632.500.000	595.400.000
MWG	-	-	530.446.429	535.000.000
OCB	-	-	206.423.077	199.500.000
Cổ phiếu lẻ khác	624.019	-	624.019	-
Cộng	13.698.213.936	23.984.294.100	32.399.581.597	43.347.038.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.2 CÁC KHOẢN CHO VAY

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	27.443.420.422	27.443.420.422	23.808.500.142	23.808.500.142
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	6.146.856.337	6.146.856.337	4.067.919.528	4.067.919.528
Cộng	33.590.276.759	33.590.276.759	27.876.419.670	27.876.419.670

(*) Giá trị hợp lý các khoản cho vay được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

7.3 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Tại 31/12/2024					Tại 01/01/2024				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá tại 31/12/2024		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá tại 31/12/2023		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản FVTPL	13.698.213.936	23.984.294.100	10.527.604.183	241.524.019	23.984.294.100	32.399.581.597	43.347.038.050	11.326.203.549	378.747.096	43.347.038.050
+ Cổ phiếu niêm yết	13.698.213.936	23.984.294.100	10.527.604.183	241.524.019	23.984.294.100	32.399.581.597	43.347.038.050	11.326.203.549	378.747.096	43.347.038.050
STB	10.835.189.917	21.327.794.100	10.492.604.183	-	21.327.794.100	23.020.323.969	34.322.292.550	11.301.968.581	-	34.322.292.550
REE	-	-	-	-	-	4.514.500.000	4.260.000.000	-	254.500.000	4.260.000.000
CTG	-	-	-	-	-	2.096.964.103	2.116.645.500	19.681.397	-	2.116.645.500
VNM	1.789.400.000	1.585.000.000	-	204.400.000	1.585.000.000	1.397.800.000	1.318.200.000	-	79.600.000	1.318.200.000
ACB	481.000.000	516.000.000	35.000.000	-	516.000.000	-	-	-	-	-
VRE	204.000.000	171.500.000	-	32.500.000	171.500.000	-	-	-	-	-
VPB	388.000.000	384.000.000	-	4.000.000	384.000.000	-	-	-	-	-
QNS	-	-	-	-	-	632.500.000	595.400.000	-	37.100.000	595.400.000
MWG	-	-	-	-	-	530.446.429	535.000.000	4.553.571	-	535.000.000
OCB	-	-	-	-	-	206.423.077	199.500.000	-	6.923.077	199.500.000
Cổ phiếu khác	624.019	-	-	624.019	-	624.019	-	-	624.019	-
Tài sản APS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản HTM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay và nhận thu	33.590.276.759	33.590.276.759	-	-	33.590.276.759	27.876.419.670	27.876.419.670	-	-	27.876.419.670
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	27.443.420.422	27.443.420.422	-	-	27.443.420.422	23.808.500.142	23.808.500.142	-	-	23.808.500.142
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	6.146.856.337	6.146.856.337	-	-	6.146.856.337	4.067.919.528	4.067.919.528	-	-	4.067.919.528
Cộng	47.288.490.695	57.574.570.859	10.527.604.183	241.524.019	57.574.570.859	60.276.001.267	71.223.457.720	11.326.103.549	378.747.096	71.223.457.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)
7.3 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ do các tài sản tài chính không có giá thị trường và chưa có dấu hiệu suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	275.012.220	133.899.943
· Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	275.012.220	133.899.943
· Phải thu bán các tài sản tài chính (cổ phiếu)	-	150.000.000
· Phải thu khách hàng khác ngắn hạn - dịch vụ tư vấn	948.000.000	4.400.000.000
· Trả trước cho người bán	228.144.200	377.250.200
· Nhà cung cấp khác	228.144.200	377.250.200
· Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.798.539.581	1.471.963.442
· Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	60.000.000	60.000.000
+ Nhà Khách Bông Sen	60.000.000	60.000.000
· Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.689.431	8.279.298
· Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.729.850.150	1.403.684.144
· Phải thu khác	25.785.284.763	25.785.284.763
· Các khoản phải thu khác	25.784.867.513	25.784.867.513
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>25.784.867.513</i>	<i>25.784.867.513</i>
+ Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613
+ Các đối tượng còn lại (*)	24.642.757.900	24.642.757.900
· Nộp bổ sung tiền Bảo hiểm	417.250	417.250
Cộng	29.034.980.764	32.318.398.348

(*) Là khoản lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2024			
			Tại 31/12/2024	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Tại 01/01/2024
		VND	VND	VND	VND	VND
	Dự phòng phải thu khác khó đòi	25.784.867.513	25.784.867.513	-	-	25.784.867.513
1	Đỗ Hoàng Long	3.061.955.000	3.061.955.000	-	-	3.061.955.000
2	Nguyễn Thị Thu Hương	1.488.510.000	1.488.510.000	-	-	1.488.510.000
3	Đinh Thị Hoa	218.067.400	218.067.400	-	-	218.067.400
4	Hoàng Đại Nghĩa	4.392.600.000	4.392.600.000	-	-	4.392.600.000
5	Vũ Văn Tú	446.000.000	446.000.000	-	-	446.000.000
6	Nguyễn Văn Tiếp	6.921.706.000	6.921.706.000	-	-	6.921.706.000
7	Lê Thị Thanh Nga	3.356.331.500	3.356.331.500	-	-	3.356.331.500
8	Đỗ Trọng Thắng	3.006.378.000	3.006.378.000	-	-	3.006.378.000
9	Lê Xuân Hợi	1.751.210.000	1.751.210.000	-	-	1.751.210.000
10	Ông Đỗ Đức Tâm (hoạt động margin)	1.142.109.613	1.142.109.613	-	-	1.142.109.613
	Cộng	25.784.867.513	25.784.867.513	-	-	25.784.867.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TẠM ỨNG

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Các cá nhân khác	19.000.000	16.000.000
Cộng	19.000.000	16.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	572.023.202	502.829.192
Chi phí bảo trì phần mềm	336.197.917	334.697.917
Chi phí bản quyền phần mềm	33.019.168	-
Chi phí bản quyền thiết bị tường lửa	-	71.516.665
Chi phí bảo hiểm	12.120.108	13.073.378
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	53.897.137	35.099.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	136.788.872	48.442.232
Chi phí trả trước dài hạn	486.346.301	1.550.673.005
Chi phí bản quyền phần mềm	24.305.253	41.871.453
Chi phí thuê văn phòng	260.865.000	1.043.460.000
Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	94.184.130	370.485.210
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	48.416.833	66.743.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.575.085	28.112.393
Cộng	1.058.369.503	2.053.502.197

12. CÀM CỎ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	33.038.000.000	33.008.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê nhà (*)	33.000.000.000	33.000.000.000
Ký quỹ dịch vụ cung cấp thông tin	30.000.000	-
Ký quỹ thẻ taxi	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ đặt cọc thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Cộng	33.038.000.000	33.008.000.000

(*) Ký quỹ đặt cọc thuê nhà là khoản đặt cọc 33 tỷ đồng tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HDT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt, Phụ lục số 01 Tiện ích và chi phí tiện ích và Phụ lục số 02 ngày 29/05/2020. Theo đó, Công ty thuê để làm trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	Cổ phần	Cổ phần	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	2.016.250	2.016.250	71.655.599.010	71.655.599.010
Công ty Cổ phần An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	1.188.000	1.188.000	14.850.000.000	14.850.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	152.000	152.000	38.942.099.010	38.942.099.010
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa	360.000	360.000	9.576.000.000	9.576.000.000
Cộng	2.016.250	2.016.250	71.655.599.010	71.655.599.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2 DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2024				Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2023	Mức trích lập dự phòng trong năm
	Số lượng	Giá trị sổ sách	Giá trị thị trường	Giá trị lập dự phòng		
Đầu tư dài hạn khác		71.655.599.010	71.303.257.620	(352.341.390)	(352.341.390)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết						
- Công ty Cổ phần An Phú (APH) (1)	316.250	8.287.500.000	7.935.158.610	(352.341.390)	(352.341.390)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức (1)	1.188.000	14.850.000.000	14.850.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt (2)	152.000	38.942.099.010	38.942.099.010	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (3)	360.000	9.576.000.000	9.576.000.000	-	-	-
Cộng		71.655.599.010	71.303.257.620	(352.341.390)	(352.341.390)	-

- (1) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2024. Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính 2024 làm cơ sở trích lập dự phòng (nếu có) của Công ty này.
- (2) Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2024 (đơn vị này không thuộc trường hợp bắt buộc phải kiểm toán Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành).
- (3) Công ty ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn theo phương pháp giá gốc, việc lập dự phòng tổn thất được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của bên nhận đầu tư đến ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2024	150.000.000	3.436.922.402	6.030.024.497	32.990.000	1.574.959.504	11.224.896.403
Tại 31/12/2024	150.000.000	3.436.922.402	6.030.024.497	32.990.000	1.574.959.504	11.224.896.403
HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại 01/01/2024	(150.000.000)	(3.396.392.793)	(5.273.003.659)	(32.990.000)	(1.427.492.485)	(10.279.878.937)
Khấu hao trong năm	-	(40.529.609)	(169.166.664)	-	(82.866.673)	(292.562.946)
Tại 31/12/2024	(150.000.000)	(3.436.922.402)	(5.442.170.323)	(32.990.000)	(1.510.359.158)	(10.572.441.883)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	-	40.529.609	757.020.838	-	147.467.019	945.017.466
Tại 31/12/2024	-	-	587.854.174	-	64.600.346	652.454.520

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 9.961.296.403 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 9.556.000.303 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2024	14.456.686.320	205.924.000	61.819.450	14.724.429.770
Mua trong năm	379.500.000	-	-	379.500.000
Tại 31/12/2024	14.836.186.320	205.924.000	61.819.450	15.103.929.770
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2024	(8.642.062.651)	(205.924.000)	(61.819.450)	(8.909.806.101)
Khấu hao trong năm	(927.377.872)	-	-	(927.377.872)
Tại 31/12/2024	(9.569.440.523)	(205.924.000)	(61.819.450)	(9.837.183.973)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	5.814.623.669	-	-	5.814.623.669
Tại 31/12/2024	5.266.745.797	-	-	5.266.745.797

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.924.429.770 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 5.924.429.770 đồng).

16. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động số dư của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	3.320.934.379	3.169.771.833
Tiền lãi phân bổ hàng kỳ	1.268.212.781	1.213.839.585
Cộng	4.713.359.435	4.507.823.693

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	32.594.489	43.348.201
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	27.898.761	27.718.610
Cộng	60.493.250	71.066.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế và các khoản phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	400.295.454	477.655.152	792.950.606	-	85.000.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	55.272.188	-	-	55.272.188
- Thuế thu nhập cá nhân	-	148.883.362	1.589.101.332	1.632.144.086	-	105.840.608
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	549.178.816	2.125.028.672	2.428.094.692	-	246.112.796

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÁN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả tiền cho Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	-	38.000.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư	-	30.000.000
Điều chỉnh số tiền dư theo thông báo từ BHXH Quận 1	27.019.093	27.019.093
Phải trả phải nộp khác	87.578.464	73.684.334
Cộng	114.597.557	38.130.703.427

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
Cổ đông	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Văn Cự	98.000.000.000	24,50%	98.000.000.000	24,50%
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	58.868.300.000	14,72%	58.868.300.000	14,72%
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	51.825.000.000	12,96%	51.825.000.000	12,96%
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000	11,00%
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000	7,50%
Bà Phan Thị Yên Hà	42.125.000.000	10,53%	42.125.000.000	10,53%
Các cổ đông khác	75.181.700.000	18,79%	75.181.700.000	18,79%
Cộng	400.000.000.000	100,00%	400.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20.

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2

CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3

CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20.4

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG NĂM

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	272.431.094	-
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế tăng trong năm	4.341.216.773	6.318.912.119
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	5.057.865.250	5.448.621.880
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(661.376.289)	870.290.239
Cộng	4.341.216.773	6.318.912.119

21.

NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

STT	Đối tượng	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
1	Lê Thị Thu Hương	231.826.917	231.826.917
2	Lại Danh Dương	806.108.430	806.108.430
	Cộng	1.037.935.347	1.037.935.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.530.110.000	14.350.110.000
Cộng	6.530.110.000	14.350.110.000

23.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.000	61.090.000
Cộng	40.000	61.090.000

24.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	258.896.300.000	235.013.860.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	325.000.000	1.668.040.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	229.166.980.000	229.166.980.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	460.452.720.000	460.452.720.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.674.960.000	2.973.140.000
Cộng	952.515.960.000	929.274.740.000

25.

TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.371.930.000	27.151.080.000
Cộng	22.371.930.000	27.151.080.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.184.033.826	9.058.346.461
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	12.181.357.682	9.055.577.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.676.144	2.769.336
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	6.343.719.450	4.776.445.970
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	6.343.719.450	4.776.445.970
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Cộng	18.527.753.276	13.834.792.431

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	950	-
Cộng	950	-

27. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.184.033.826	9.058.346.461
- Nhà đầu tư trong nước	12.181.357.682	9.055.577.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	2.676.144	2.769.336
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	-
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	6.343.719.450	4.776.445.970
- Nhà đầu tư trong nước	6.343.719.450	4.776.445.970
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
Cộng	18.527.753.276	13.834.792.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	950	-
Phải trả tiền mua phát hành thêm	-	3.192.000
Cộng	950	3.192.000

29. PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả nghiệp vụ margin	27.718.432.642	23.942.400.085
- Phải trả gốc margin (Nhà đầu tư trong nước)	27.443.420.422	23.808.500.142
- Phải trả lãi margin (Nhà đầu tư trong nước)	275.012.220	133.899.943
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.146.856.337	4.067.919.528
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	6.146.856.337	4.067.919.528
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Nhà đầu tư trong nước)	-	-
Cộng	33.865.288.979	28.010.319.613

30. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CTCK

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	8.689.431	8.279.298
Cộng	8.689.431	8.279.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI, LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2024	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2023
		Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	893.605		34.049.073.500	23.088.207.661	10.960.865.839	8.768.704.911
1.1	Các cổ phiếu bán lãi			34.049.073.500	23.088.207.661	10.960.865.839	10.194.122.883
	STB	650.000	34.332	22.315.500.000	12.185.134.052	10.130.365.948	8.812.350.460
	REE	125.000	64.314	8.039.200.000	7.436.740.000	602.460.000	-
	ACB	-	-	-	-	-	345.246.264
	SSI	-	-	-	-	-	25.793.717
	CTG	78.105	29.201	2.280.773.500	2.096.964.103	183.809.397	108.469.103
	MWG	12.500	43.600	545.000.000	530.446.429	14.553.571	-
	QNS	13.000	50.546	657.100.000	632.500.000	24.600.000	-
	OCB	15.000	14.100	211.500.000	206.423.077	5.076.923	192.308
	KDH	-	-	-	-	-	107.250.000
	GMD	-	-	-	-	-	199.000.000
	PNJ	-	-	-	-	-	130.500.000
	VRE	-	-	-	-	-	109.000.000
	Cổ phiếu lẻ khác	-	-	-	-	-	356.321.031
1.2	Các cổ phiếu bán lỗ			-	-	-	(1.425.417.972)
	DPM	-	-	-	-	-	(1.362.719.714)
	Cổ phiếu lẻ khác	-	-	-	-	-	(62.698.258)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-	-	-	-
	Cộng	893.605		34.049.073.500	23.088.207.661	10.960.865.839	8.768.704.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 01/01/2024 VND	Chênh lệch điều chỉnh trong năm VND
I	Loại FVTPL	13.698.213.936	23.984.294.100	10.286.080.164	10.947.456.453	(661.376.289)
1	Cổ phiếu niêm yết	13.698.213.936	23.984.294.100	10.286.080.164	10.947.456.453	(661.376.289)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-	-	-	-
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	33.590.276.759	33.590.276.759	-	-	-
	Các khoản cho vay hoạt động Margin	27.443.420.422	27.443.420.422	-	-	-
	Các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	6.146.856.337	6.146.856.337	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-
	Cộng	47.288.490.695	57.574.570.859	10.286.080.164	10.947.456.453	(661.376.289)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	132.510.000	983.512.600
Từ tài sản tài chính HTM	861.561.742	1.743.753.427
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.977.847.629	2.077.781.390
Cộng	2.971.919.371	4.805.047.417

34. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.313.578.556	2.109.046.526
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	1.100.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.740.000.000	5.845.000.000
Doanh thu hoạt động lưu ký	433.076.270	818.117.285
Thu nhập hoạt động khác	1.062.729	216.181.998
Cộng	7.487.717.555	10.088.345.809

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.574.843.286	5.349.961.757
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	325.351.398	344.161.240
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	941.625.567	843.402.759
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho Tổ chức phát hành	2.022.099	(16.568.290)
Cộng	5.843.842.350	6.520.957.466

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	133.314.630	119.534.159
Doanh thu lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán	266.307.122	211.933.926
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.628.000.000	3.279.000.000
Cộng	3.027.621.752	3.610.468.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	6.199.983.565	6.684.276.585
Chi phí vật liệu, bao bì	36.797.129	38.536.230
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	151.501.455	254.536.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.219.940.818	1.740.674.018
Chi phí thuế, phí và lệ phí	8.876.499	13.904.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.757.807.222	4.880.879.835
Chi phí bằng tiền khác	733.510.229	778.736.269
Cộng	13.108.416.917	14.391.543.819

38. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	-	3.898.333
Cộng	-	3.898.333

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.396.488.961	6.318.912.119
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.937.120.056)	(4.792.929.857)
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.189.694.309	22.226.534.441
Chi phí không được trừ	162.013.655	339.872.982
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	15.027.680.654	21.886.661.459
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.126.814.365)	(27.019.464.298)
Cổ tức nhận được	(2.760.510.000)	(4.262.512.600)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(14.366.304.363)	(22.756.951.698)
Chuyển lỗ các năm	(2.183.007.965)	(1.525.982.262)
Tổng thu nhập chịu thuế	276.360.940	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	55.272.188	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55.272.188	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.341.216.773	6.318.912.119
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.341.216.773	6.318.912.119
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(272.431.094)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	109	151

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay là số tạm tính.

Để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023, số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023 được tính lại trên cơ sở số liệu trích quỹ này của năm 2023 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2024.

41. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	28.500.000
		Hoàn ứng	-	28.500.000
Ông Hoàng Thanh Bình	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	60.000.000
		Hoàn ứng	-	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Giao dịch lớn	Tạm ứng	506.850.000.000	875.530.000.000
		Hoàn ứng	506.850.000.000	904.550.000.000
		Hoàn ứng dư		38.000.000.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
			Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND	Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Giao dịch lớn	Hoàn ứng dư	-	-	-	38.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

41. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.720.973.351	1.681.068.000
Cộng	1.720.973.351	1.681.068.000

42. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa để làm Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 55, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê văn phòng số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, Phụ lục 01 Tiện ích và chi phí tiện ích với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt, Phụ lục số 02 ngày 29/05/2020 về thỏa thuận về tiền đặt cọc. Theo đó, căn cứ Hợp đồng thuê nhà số 0109/2019/HĐT/VESCO - BETA ngày 01/09/2019, thời hạn thuê tính từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/09/2033, cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Trong vòng 1 năm	660.000.000	660.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.640.000.000	2.640.000.000
Từ năm thứ năm trở đi đến hết thời hạn thuê	2.420.000.000	3.080.000.000
Cộng	5.720.000.000	6.380.000.000

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Như được nêu tại Thuyết minh số 40 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu Báo cáo kết quả hoạt động	Mã số	Năm 2023 (Đã kiểm toán) VND/cổ phiếu	Năm 2023 (Sau điều chỉnh) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	158	151

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuất
Kế toán trưởng

Hoàng Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
BETA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

